TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHI SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 5 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Hải
Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Q, sinh năm 1995
Nơi thường trú: TDP N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1991
Nơi thường trú: TDP N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong - Cục C10 - Bộ Công an.
Địa chỉ: thị Trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Q có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Quyên trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã N vào ngày 01/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, không còn tình cảm với nhau.

Ngày 01/8/2019 anh T bị Tòa án thị xã N xử phạt 09 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong.

Kể từ thời điểm còn chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, sau khi anh T bị bắt tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/5/2013 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/11/2014, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành T: anh Tuấn có địa chỉ thường trú tại TDP N, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, Cục C10 – Bộ Công an; Địa chỉ: thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Nông Cống tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ.

Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T và gửi bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của anh T cho Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2024 anh Nguyễn Thành T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Q tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã N vào ngày 01/3/2012. Quá trình chung sống vợ chồng tình cảm bình thường, năm 2019 anh vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án, kể từ thời điểm anh đi chấp hành án cho đến nay vợ chồng đã chấm dứt tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau, nay cô Q làm đơn ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không thể quay về chung sống đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: anh T và chị Q có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 21/5/2013 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/11/2014, khi ly hôn anh giao cả 02 con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày hiện nay anh đang chấp hành án nên anh đề nghị xét xử vắng mặt anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Q. Về hôn nhân giải quyết cho chị Q được ly hôn anh T; Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 21/5/2013 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/11/2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh T, anh T có địa chỉ thường trú tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T đang chấp hành án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự; anh T đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Tuấn chấp hành án thời gian dài, vợ chồng không gần nhau nên tình cảm phai nhạt. Chị Q và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 21/5/2013 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/11/2014, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh T đồng ý sau khi ly hôn giao cả 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị Q giao cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 21/5/2013 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/11/2014

cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con.

Do anh T đang chấp hành án, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Q:

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 21/5/2013 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 01/11/2014 cho chị Mai Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007025 ngày 17/01/2024.

4. Quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Sơn